

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/DS-ST
Ngày: 13-9-2023
V/v: “Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM – TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Loan Trần Hải Yến

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Đình Quang

2. Bà Nguyễn Thị Thu Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa:**
Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom – tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 309/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 511/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Lê Thị Mỹ L**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn (Theo giấy ủy quyền được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai chứng thực ngày 15/10/2020):

1/ Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1992.

Địa chỉ liên hệ: Ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2/ Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. **Bị đơn:** Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số C, ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà **Lê Thị Thu T1**, sinh năm 1976.

Địa chỉ liên hệ: Số F, khu dân cư K, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Ông **Lê Hoài T2**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số F, khu dân cư K, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2020 của nguyên đơn, tại các bản tự khai, biên bản đối chất, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/5/2020, do mối quan hệ bạn bè thân thiết với nhau nên bà L đã cho ông Lê Văn H mượn số tiền 500.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh. Vì quen biết với nhau nên bà L không yêu cầu ông H thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay trên. Bà L đã chuyển cho ông H mượn tiền thông qua dịch vụ Internet banking từ tài khoản Ngân hàng V của bà L sang tài khoản 189146989 là số tài khoản của ông H mở tại Ngân hàng Á. Lần thứ nhất chuyển số tiền 300.000.000 đồng, lần thứ 2 chuyển số tiền 200.000.000 đồng. Tất cả các lần chuyển khoản đều có xác nhận của Ngân hàng V. Hai bên khi vay không thỏa thuận về lãi. Lúc vay ông H hứa đến hết tháng 8/2020 sẽ trả lại cho bà L toàn bộ số tiền trên. Tuy nhiên đến tháng 9/2020, bà L đã nhiều lần liên hệ ông H để đòi số tiền trên nhưng không được nên bà L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lê Văn H trả cho bà L số tiền gốc: 500.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 15/8/2020 đến ngày 15/7/2023 là: 35 tháng x 500.000.000 đồng x lãi suất 10% năm = 145.833.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 16/7/2023 cho đến ngày Tòa xét xử.

Tại các bản tự khai, biên bản đối chất bị đơn ông Lê Văn H trình bày:

Ông và bà Lê Thị Thu T1 có sống chung nhưng không đăng ký kết hôn, có 01 con chung và đến tháng 6/2018 thì ông và bà T1 không sống chung với nhau nữa. Đến 4/2020, thì ông gặp bà L và phát sinh tình cảm. Ông thừa nhận việc bà L chuyển hai lần vào tài khoản của ông số tiền 500.000.000 đồng ngày 15/5/2020. Mục đích chuyển tiền là bà L muốn ông đưa cho bà T1 để bù đắp nuôi con chung giữa ông và bà T1. Sự việc này chỉ có ông, bà L và bà T1 biết.

Các bên đã cùng thống nhất thỏa thuận số tiền này khi cả ba người gặp nhau trực tiếp tại nhà ông tại ấp T, xã Đ, huyện T trước thời điểm bà L chuyển khoản cho ông.

Sau khi nhận tiền thì vào ngày 16/5/2020 ông đã chuyển số tiền 400.000.000 đồng cho bà Lê Thị Thu T1, qua tài khoản của ông Lê Hoài T2 - là em ruột của bà T1. Số tiền này thì để giải quyết chuyện cá nhân giữa bà L và bà T1 còn cụ thể như thế nào thì ông không biết.

Số tiền chuyển khoản 400.000.000 đồng vào tài khoản của ông T2 và việc ông giữ lại 100.000.000 đồng là do ông quyết định, không bàn bạc với ai.

Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông hoàn toàn không đồng ý. Vì giữa ông và bà L không có bất cứ sự vay mượn nào với nhau. Việc bà L chuyển khoản vào tài khoản của ông là việc bà L hoàn toàn tự nguyện, ông không biết về việc thỏa thuận giữa bà L và bà T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu T1 trình bày:

Bà là người sống chung với ông Lê Văn H như vợ chồng (không có đăng ký kết hôn, có 01 con chung). Trong tháng 5 năm 2020 (bà không nhớ ngày nào), bà đang ở nhà mẹ ruột tại phường H thì ông H có gọi bà về nhà số C, ấp T, xã Đ, huyện T có việc, thì bà đồng ý về. Khi đến nhà bà thấy ông H cùng một người phụ nữ đang ở trong nhà, bà có hỏi người này là ai thì ông H bảo đó là bạn gái ông tên L (tức Lê Thị Mỹ L) thì bà mới biết. Sau khi chào hỏi thì bà L trực tiếp nói với bà là ý cô L muốn cho bà 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) để nuôi con và chấm dứt mối quan hệ tình cảm với ông H, để bà L và ông H tự do đến với nhau vì giữa hai người đã phát sinh tình cảm, thì bà đồng ý. Việc thỏa thuận này có viết văn bản, ông H là người trực tiếp viết văn bản này và giữ văn bản này. Còn việc thỏa thuận cụ thể giữa ông H và bà L về số tiền này thì bà không biết. Sau đó bà có nhận số tiền 400.000.000 đồng chứ không phải 500.000.0000 đồng như thỏa thuận. Người chuyển số tiền 400.000.000 đồng cho bà là ông Lê Văn H chứ không phải bà L. Thời gian nhận tiền là sau khi thỏa thuận một ngày, ông H chuyển khoản số tiền trên vào tài khoản của em trai bà tên Lê Hoài T2, sau đó, em trai bà báo lại cho bà biết, từ đó bà đã rút tiền ra xài dần đến nay đã hết tiền. Bà khẳng định với tòa là số tiền 400.000.000 đồng nêu trên mà bà nhận từ ông H là số tiền thỏa thuận giữa bà và bà L nêu trên.

Ông Lê Hoài T2 trình bày:

Bà Lê Thị Thu T1 và ông Lê Văn H có mối quan hệ vợ chồng với nhau, nhưng trong thời gian chung sống có xảy ra cãi vã nên bà T1 đã cùng với con chuyển về nhà sống ở địa chỉ Số F, khu dân cư K, phường H, thành phố B sống. Bà T1 có mượn số tài khoản của ông để ông H chuyển tiền. Ông H đã chuyển vào số tài khoản của ông là 204118029 số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 16 tháng 05 năm 2020. Giữa ông và ông H không mâu thuẫn hay xích mích gì cả, còn bà L thì ông không có quen biết. Trước khi chuyển khoản bà T1 có nói cho ông biết bà L sẽ chuyển cho ông 500.000.000 đồng và nhờ ông nhận dùm, nhưng thực tế là ông có nhận 400.000.000 đồng vào tài khoản là số tiền ông H chuyển chứ không phải tên bà L chuyển.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Việc nguyên đơn chuyển cho bị đơn số tiền 500.000.000 đồng là có thật. Tuy nhiên việc chuyển số tiền trên là để cho bà T1 có điều kiện nuôi con của bà T1 và ông H, đồng thời để cho bà T1 chấm dứt tình cảm với ông H, đây không phải là hợp đồng vay mượn nên không có quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ các Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Lê Văn H có địa chỉ cư trú tại Số C, ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Bà Lê Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn H trả cho bà L số tiền gốc: 500.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 15/8/2020 đến ngày 15/7/2023 là: 35 tháng x 500.000.000 đồng x lãi suất 10% năm = 145.833.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 16/7/2023 cho đến ngày Tòa xét xử nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xét thấy:

[4.1] Theo nguyên đơn trình bày: Do mối quan hệ bạn bè thân thiết với nhau nên ngày 15/5/2020 bà L đã cho ông Lê Văn H mượn số tiền 500.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh. Vì quen biết với nhau nên bà L không yêu cầu ông H thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay trên. Bà L đã chuyển cho ông H mượn tiền thông qua dịch vụ Internet banking từ tài khoản Ngân hàng V của bà L sang tài khoản 189146989 là số tài khoản của ông H mở tại Ngân hàng Á. Lần thứ nhất chuyển số tiền 300.000.000 đồng, lần thứ 2 chuyển số tiền 200.000.000 đồng. Tất cả các lần chuyển khoản đều có xác nhận của Ngân hàng V. Hai bên khi vay không thỏa thuận về lãi. Lúc vay ông H hứa đến hết tháng 8/2020 sẽ trả lại cho bà L toàn bộ số tiền trên.

[4.2] Theo ông H trình bày thì ông thừa nhận việc bà L chuyển hai lần vào tài khoản của ông số tiền 500.000.000 đồng. Mục đích chuyển tiền là bà L muốn ông đưa cho bà T1 để bù đắp nuôi con chung giữa ông và bà T1. Sự việc này chỉ có ông, bà L và bà T1 biết. Các bên đã cùng thống nhất thỏa thuận số tiền này khi cả ba người gặp nhau trực tiếp tại nhà ông tại ấp T, xã Đ, huyện T trước thời điểm bà L chuyển khoản cho ông. Sau khi nhận tiền thì vào ngày 16/5/2020 ông đã chuyển số tiền 400.000.000 đồng cho bà Lê Thị Thu T1, qua tài khoản của ông Lê Hoài T2 - là em ruột của bà T1. Số tiền này thì để giải quyết chuyện cá nhân giữa bà L và bà T1 còn cụ thể như thế nào thì ông không biết. Số tiền chuyển khoản 400.000.000 đồng vào tài khoản của ông T2 và việc ông giữ lại 100.000.000 đồng là do ông quyết định, không bàn bạc với ai.

[4.3] Bà T1 cũng thừa nhận có việc thỏa thuận giữa bà và bà L về việc nhận số tiền 500.000.000 đồng từ bà L để nuôi con và chấm dứt mối quan hệ tình cảm với ông H, để bà L và ông H tự do đến với nhau vì giữa hai người đã phát sinh tình cảm. Ông H cũng đã chuyển cho bà 400.000.000 đồng qua số tài khoản của Lê Hoài T2 - là em trai bà T1.

[4.4] Mặt khác, việc bà L khai cho ông H vay tiền tuy nhiên ông H không thừa nhận, giữa 2 bên ngoài giao dịch chuyển khoản cũng không có chứng cứ gì khác chứng minh có việc vay mượn tiền vì cả ông H và bà T1 đều xác định việc bà L chuyển số tiền 500.000.000 đồng này là để ông H chuyển cho bà T1 để nuôi con và chấm dứt mối quan hệ tình cảm với ông H, để bà L và ông H tự do đến với nhau. Ông H có nhận tiền cũng đã chuyển cho bà T1 thông qua số tài khoản của em bà T1 là ông Lê Hoài T2.

[4.5] Nên việc bà T1 khởi kiện cho rằng là vay tiền và yêu cầu ông H trả tiền gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 15/8/2020 đến ngày 15/7/2023 là: 35 tháng x 500.000.000 đồng x lãi suất 10% năm = 145.833.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 16/7/2023 cho đến ngày Tòa xét xử là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 29.833.320 đồng

[6] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ L đối với ông Lê Văn H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ L phải chịu 29.833.320 đồng (Hai mươi chín triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm hai mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Cán trừ số tiền 12.563.000 (Mười hai triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005994 ngày 30/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà Lê Thị Mỹ L còn phải nộp số tiền là 17.270.320 đồng (mười bảy triệu hai trăm bảy mươi nghìn ba trăm hai mươi đồng)

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Loan Trần Hải Yến